

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1119/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn giữa chị
O và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tường Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh

Bà Trần Thị Mai Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2017/HNST ngày 19 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1720/2017/QĐXX- HN ngày 10 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 1658/2017/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương O, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đức T, sinh năm 1973; Thường trú: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số 1274/14A đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương O trình bày: Chị và anh Phạm Đức T tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và được Ủy ban nhân dân Phường B, quận G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyền số 01/2015 ngày 06/6/2015. Cuộc

sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T cờ bạc, cá độ, không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Chị khai không có.

- Tòa án đã tiến hành xác minh và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập anh T đến Tòa án để lấy lời khai, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T;

Về con chung: Chị và anh T không có con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị O khai không có.

Anh Phạm Đức T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương O ly hôn với anh Phạm Đức T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Chị O phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương O khởi kiện bị đơn anh Phạm Đức T đang cư ngụ tại đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phạm Đức T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06 tháng 06 năm 2015 thì hôn nhân của chị Nguyễn Thị Phương O và anh Phạm Đức T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị O Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị O xin ly hôn với anh Thắng vì chị cho rằng do tính tình không hòa hợp giữa chị và anh T; anh T cờ bạc, cá độ, không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh T nhưng không có kết quả. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh T trầm trọng do đó chị có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T theo Điều 51.

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 19/5/2017 của Hội liên hiệp Phụ nữ Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì: “Chị O và anh T có đăng ký kết hôn ngày 06/6/2015 nhưng không có con chung, hai vợ chồng chung sống tại đường L, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, chị O và anh T đã sống ly thân từ tháng 11/2016 cho đến nay, cuộc sống chung mâu thuẫn do anh T cờ bạc, thiếu nợ.”

Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Chị O và anh T hiện nay không còn sống chung với nhau, đã ly thân từ tháng 11/ 2016 cho đến nay và anh T không có trách nhiệm với gia đình, chứng tỏ anh T là người có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh T cũng không đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải đoàn tụ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị O và anh T không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 thì “Tòa án giải quyết cho ly hôn ...nếu có căn cứ về việc vợ chồng có hành vi bạo lực..hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng ...mục đích hôn nhân không đạt được...” do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O.

Xét về con chung: Chị O tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị O tự khai không có và Tòa án không lấy được lời khai của anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét nhưng nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị O tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0018287 ngày 19/4/2017. Chị O đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Phương O và anh Phạm Đức T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 06 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Phương O và anh Phạm Đức T hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O tự khai không có. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) đồng chị O tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0018287 ngày 19/4/2017. Chị O đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân phường B, Q.G
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)